

KINH NGHIỆM ỨNG PHÓ VỚI KHỦNG HOẢNG KINH TẾ CỦA HÀN QUỐC VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

Nguyễn Bạch Đằng

Cục An ninh chính trị nội bộ (A83), Bộ Công an

Email: bachdangnguyen1962@gmail.com

Ngày nhận: 01/6/2016

Ngày nhận bản sửa: 10/6/2016

Ngày duyệt đăng: 25/6/2016

Tóm tắt:

Hàn Quốc là một nước phát triển ở khu vực Đông Á có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong suốt nửa cuối thế kỷ XX. Hàn Quốc đã từng chịu ảnh hưởng nặng nề của hai cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1997 và 2008 vì vậy Chính phủ Hàn Quốc đã có nhiều giải pháp ứng phó linh hoạt để khôi phục nền kinh tế, lấy lại đà tăng trưởng và ngăn ngừa những nguy cơ bất ổn kinh tế trong tương lai. Kinh nghiệm của Hàn Quốc về xây dựng “hệ thống cảnh báo sớm”, ổn định thị trường ngoại hối, tái cấu trúc doanh nghiệp, củng cố chính sách tài khóa, thực hiện chính sách kinh tế - xã hội mới và tăng cường hoạt động ngoại giao kinh tế... có ý nghĩa tham khảo cho Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Bài viết khái quát tình hình kinh tế Hàn Quốc trong hai cuộc khủng hoảng năm 1997 và 2008, phân tích giải pháp ứng phó với khủng hoảng của Hàn Quốc và rút ra những khuyến nghị cho Việt Nam về đảm bảo an ninh kinh tế.

Từ khoá: Khủng hoảng kinh tế, ứng phó với khủng hoảng, ngăn ngừa khủng hoảng, Hàn Quốc, Việt Nam.

South Korea's experiences in dealing with economic crisis and implications to Vietnam

Abstract:

South Korea is a developed country in East Asia with high growth rate in the half-end of twentieth century. Though affected severely by the economic crisis both in 1997 and 2008, The Korean government had several flexible and fundamental solutions to restore the economy, to regain growth momentum and prevent the risk of economic instability in the future. Korean experiences in building an “Early Warning System”, stabilizing the foreign exchange market, corporate restructuring, consolidating fiscal policy, implementing a new socio-economic policy, and strengthening economic diplomacy activities... could be meaningful lessons for Vietnam in the context of international integration. This paper outlines the situation of the Korean economy in the two crisis in 1997 and 2008, analyses the measures and draws implications for Vietnam on maintaining economic security.

Keywords: Economic crisis, crisis response, crisis prevention, Korea, Vietnam.

1. Khái quát về kinh tế Hàn Quốc

Hàn Quốc là một quốc gia thuộc khu vực Đông Á, nằm ở nửa phía Nam của bán đảo Triều Tiên. Kinh tế Hàn Quốc phát triển đứng thứ 3 ở châu Á và đứng thứ 15 trên thế giới theo GDP (1.130 tỷ

USD/năm, 2012). Sau chiến tranh Triều Tiên, kinh tế Hàn Quốc đã phát triển nhanh chóng, từ một trong những nước nghèo nhất thế giới trở thành một trong những nước giàu nhất. Cuối thế kỷ XX, Hàn Quốc là một trong số các nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất trong lịch sử thế giới hiện đại.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Hàn Quốc giai đoạn 1986 - 2016



Nguồn: <http://www.tradingeconomics.com/south-korea/gdp-growth-annual>

Cùng với sự phát triển về kinh tế, đời sống của nhân dân được nâng cao rất nhanh, trở nên ngang bằng thậm chí cao hơn các quốc gia phát triển khác ở châu Âu và các nước Bắc Mỹ. Hiện nay, thu nhập và tài sản của Hàn Quốc đang gia tăng, một phần là do sự đầu tư và xuất khẩu công nghệ cao sang các nước đang phát triển như Trung Quốc, Việt Nam và Indonesia.

Năm 1997, như nhiều nước châu Á khác, Hàn Quốc bị khủng hoảng kinh tế nặng nề. Để tháo gỡ khó khăn, Chính phủ Hàn Quốc đã phải chấp nhận vay khẩn cấp Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) 57 tỷ USD với những điều kiện ngặt nghèo, tiến hành cải cách mạnh mẽ, xây dựng nền kinh tế thị trường dân chủ, phá bỏ quyền lực của các tài phiệt, coi trọng các công ty vừa và nhỏ, giảm sự can thiệp của Nhà

nước, chống cấu kết chính trị - kinh doanh, mặt khác, đã áp dụng chính sách “thắt lưng buộc bụng”, huy động quốc dân quyên góp tiền vàng ủng hộ Chính phủ. Kết quả là Hàn Quốc đã thành công trong việc khắc phục khủng hoảng từ 1998 - 2000, trả xong nợ của IMF. Chiến lược phát triển kinh tế hướng ngoại lấy xuất khẩu làm động lực tăng trưởng đã góp phần quan trọng vào sự chuyển đổi kinh tế toàn diện của Hàn Quốc. Dựa trên chiến lược này, nhiều chương trình phát triển đã được thực hiện thành công.

2. Chính sách của Hàn Quốc đối phó với các cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu

2.1. Tình hình nền kinh tế trong cuộc khủng hoảng năm 1997

Biểu đồ 2: GDP của Hàn Quốc giai đoạn 1986 - 2016

Đơn vị: Tỷ USD



Nguồn: <http://www.tradingeconomics.com/south-korea/gdp>

Giống như nhiều nền kinh tế Đông Á khác, Hàn Quốc cũng lâm vào cuộc khủng hoảng tài chính châu Á (1997 - 1998) và nền kinh tế khi đó đã bị tác động mạnh. Khó khăn ở Hàn Quốc chủ yếu nằm ở sự thiếu hiệu quả và đầu tư tràn lan sang nhiều ngành nghề khác nhau của các Chaebol (tập đoàn công nghiệp tài chính) ở nước này dẫn tới tỷ lệ nợ xấu cao trong hệ thống ngân hàng. Theo các chuyên gia kinh tế, nguyên nhân của những bất ổn dẫn đến khủng hoảng kinh tế tại Hàn Quốc là do nước này đã tiến hành tự do hóa khu vực kinh tế đối ngoại trong điều kiện hệ thống tài chính - ngân hàng còn nhiều yếu kém, đồng thời Hàn Quốc cũng chịu tác động hiệu ứng lan truyền của cuộc khủng hoảng bắt nguồn từ Thái Lan (Nguyễn Thiện Nhân, 2002).

Khi khủng hoảng xảy ra, các nhà đầu tư nước ngoài đồng loạt rút vốn ra khỏi Hàn Quốc, khiến thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh và nhiều công ty phá sản. Tình hình càng trầm trọng thêm với tình trạng yếu kém sẵn có của hệ thống ngân hàng bắt nguồn từ những khoản nợ kém hiệu quả. Năm 1998, Hyundai Motor mua lại Kia Motors. Quỹ đầu tư mạo hiểm trị giá 5 tỷ USD của Samsung cũng giải thể do tác động của cuộc khủng hoảng, tiếp đó, Daewoo Motors cũng phải bán lại cho General Motors. Đồng Won giảm từ mức 1.000 won xuống 1.700 won đổi 1 USD. Mặc dù có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện GDP bình quân đầu người nhưng sau khủng hoảng, nợ quốc gia của Hàn Quốc đã tăng gấp ba lần so với trước (Park, 2002).

Dưới sự hỗ trợ của IMF, Chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện một loạt các biện pháp cải tổ nền kinh tế trong giai đoạn khủng hoảng nhằm gây dựng lại niềm tin thị trường cũng như xúc tiến tái cơ cấu nền kinh tế. Chính phủ Hàn Quốc đối phó với khủng hoảng bằng cách để đồng Won xuống giá một nửa và chấp nhận gói viện trợ gần 60 tỷ đô la của IMF. Chính quyền của Tổng thống Kim Dae-jung lên cầm quyền năm 1998 trong thời điểm khủng hoảng và đã tiến hành cải cách kinh tế mạnh mẽ hướng tới một nền kinh tế mở, có tính thị trường. Cụ thể của các giải pháp đã được áp dụng trong thời gian này là: cải tổ khu vực tài chính; cải tổ khu vực doanh nghiệp; cải cách khu vực hành chính công; cải cách khu vực lao động; các chính sách tự do hóa và mở cửa thị trường.

Trải qua quá trình tiến hành cải tổ nền kinh tế với những chính sách hợp lý, nền kinh tế Hàn Quốc đã có những tiến bộ rõ nét. Tháng 5 năm 2000, dự trữ ngoại hối của Hàn Quốc đạt mức kỷ lục với hơn 85 tỷ USD, trong khi đó, cuối năm 1997, con số này mới chỉ dừng ở mức là 3,9 tỷ USD; tốc độ tăng GDP

được hồi phục từ mức tăng trưởng âm của năm 1998 (-5,7%) lên mức 10,7% năm 1999, đạt mức cao nhất kể từ năm 1989. Bên cạnh đó cán cân thanh toán được duy trì ở mức thặng dư tương đối lớn (39,03 tỷ năm 1998 và 23,93 tỷ năm 1999); lạm phát giảm đáng kể từ mức 7,5% năm 1998 giảm xuống còn 0,8% năm 1999; lãi suất có thời điểm lên tới 30%/năm, nhưng đến năm 1999 đã ổn định ở mức 9,9%/năm; thị trường chứng khoán cũng được củng cố (Park, 2002). Xuất khẩu cũng giành được thắng lợi lớn. Trong giai đoạn khủng hoảng, xuất khẩu năm 1998 đã sụt giảm 2,8% so với năm 1997, nhưng nhờ những biện pháp khuyến khích xuất khẩu và cải tổ doanh nghiệp của Chính phủ, xuất khẩu đã tăng mạnh hai năm sau đó, tăng 8,6% trong năm 1999 và 19,9% trong năm 2000 (Landsberg & Burkett, 2001).

2.2. Tình hình nền kinh tế trong cuộc khủng hoảng năm 2008

Trong cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ giai đoạn 2007 - 2008, Hàn Quốc đã lâm vào tình trạng trầm trọng về tính thanh khoản bằng ngoại tệ (đặc biệt là đồng USD) trong hoạt động điều hành của ngân hàng trung ương. Kể từ đầu tháng 8/2008 đến trước quý II năm 2009, đồng Won Hàn Quốc đã liên tục mất giá so với đồng USD. Tính đến 6/10/2008 đồng Won mất giá khoảng 24% so với đầu năm với mức giá xuống thấp nhất kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính xảy ra vào năm 1997. Sự mất giá của đồng Won bắt nguồn chính từ sự rút vốn nhanh chóng với số lượng lớn tại các quỹ đầu tư và các loại chứng chỉ có giá của Hàn Quốc của các nhà đầu tư nước ngoài cũng như việc chuyển đổi tiền sang ngoại tệ với mục đích dự trữ và thanh toán nhập khẩu của các công ty Hàn Quốc. Bên cạnh đó sự thâm hụt cán cân thương mại quốc gia, sự gia tăng các khoản nợ nước ngoài và nhu cầu ngoại tệ để nhập khẩu dầu và các hàng hóa khác trong điều kiện giá leo thang cũng là nguyên nhân làm cho tình trạng thiếu USD ở Hàn Quốc càng trở nên trầm trọng.

Thị trường chứng khoán Hàn Quốc cũng luôn chịu sự tác động nhanh chóng và trực tiếp từ những biến động trên thị trường tài chính Hoa Kỳ. Việc rút vốn ồ ạt ra khỏi thị trường chứng khoán Hàn Quốc của các nhà đầu tư Mỹ đã gây ra sự mất giá đáng kể của các loại cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Chỉ số KOSPI của Hàn Quốc liên tục giảm điểm kể từ tháng 9/2008 đến tháng 4/2009. Diễn hình vào thời điểm tháng 11/2008 chỉ số KOSPI đã giảm xuống dưới 1000 điểm. Tính thanh khoản của chứng khoán trên thị trường cũng giảm mạnh. Đặc biệt,

các dự báo tiêu cực về tăng trưởng của Hàn Quốc trong năm 2009 làm tâm lý của các nhà đầu tư Hàn Quốc cũng như các nhà đầu tư nước ngoài lo lắng tạo nên làn sóng rút tiền đầu tư khỏi thị trường chứng khoán. Năm 2008, kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng ở mức 2,2%, chưa bằng một nửa mức tăng trưởng bình quân tính từ sau khủng hoảng 1997. Cán cân thương mại thâm hụt lần đầu tiên gần 13,3 tỷ USD sau nhiều năm liên tiếp luôn thặng dư và tài khoản vãng lai cũng thâm hụt gần 6 tỷ USD (Ngô Quang Minh, 2009).

Mặc dù không phải là trung tâm nhưng Hàn Quốc là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất tại khu vực châu Á của sự suy thoái kinh tế toàn cầu kể từ năm 2008. Sự ảnh hưởng nặng nề này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó có 4 nhóm nguyên nhân chính đó là: *Thứ nhất*, nền kinh tế Hàn Quốc phụ thuộc chủ yếu vào xuất khẩu với các thị trường cơ bản là Mỹ, Nhật và Trung Quốc; *Thứ hai*, các nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn bị ám ảnh nhiều bởi cuộc khủng hoảng tài chính của Hàn Quốc năm 1997, theo đó là các dự báo tăng trưởng rất xấu về kinh tế Hàn Quốc trong 2009 và căn bệnh kinh niên về tổ chức đình công của các liên đoàn lao động Hàn Quốc; *Thứ ba*, tiếp theo cuộc khủng hoảng thể tín dụng năm 2003, bong bóng nhà đất năm 2005, nạn thất nghiệp từ suy thoái kinh tế lần này khiến nhu cầu tiêu dùng trong nước của Hàn Quốc giảm mạnh; *Thứ tư*, nền kinh tế Hàn Quốc không chỉ phụ thuộc lớn vào xuất khẩu mà còn phụ thuộc rất nhiều vào nhập khẩu, đặc biệt là việc nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu. Sự mất giá nghiêm trọng của đồng Won khiến các doanh nghiệp nhập khẩu của Hàn Quốc lâm vào hoàn cảnh hết sức khó khăn.

2.3. Giải pháp ứng phó của Hàn Quốc với các cuộc khủng hoảng kinh tế

2.3.1. Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm (Early Warning System)

Nhận thức được hậu quả nghiêm trọng khi cuộc khủng hoảng kinh tế xảy ra, ngay khi “sóng gió” tạm qua đi, Chính phủ Hàn Quốc đã có những bước đi sớm trong việc tìm kiếm các biện pháp ngăn ngừa khủng hoảng, cụ thể là tập trung vào phát triển những công cụ nhằm giám sát thị trường và cảnh báo sớm khủng hoảng tiền tệ được xây dựng tại Trung tâm Tài chính Quốc tế Hàn Quốc (KCIF) (từ tháng 4/1999); Hệ thống giám sát trực tuyến dòng ngoại hối (từ tháng 4/1999); Cơ quan Tình báo Tài chính Hàn Quốc (FIU); Giám sát sự lành mạnh của thị trường ngoại hối (Cơ quan Dịch vụ Giám sát tài chính thực hiện) (Lê Tất Phương, 2009).

Hoạt động cảnh báo sớm kinh tế của Hàn Quốc được thực hiện bởi 7 cơ quan theo các lĩnh vực cụ thể: tiền tệ - ngoại hối, thị trường tài chính, năng lượng, hàng hóa - nguyên liệu cơ bản, môi trường, lao động và bất động sản. Cơ quan đầu mối xây dựng và phát triển hệ thống cảnh báo sớm kinh tế là Bộ Tài chính và Kinh tế Hàn Quốc, trong đó Trung tâm Tài chính Quốc tế Hàn Quốc là cơ quan chủ chốt. Bộ Tài chính và Kinh tế có nhiệm vụ phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan trong việc thu thập số liệu dùng cho công tác cảnh báo. Hệ thống cảnh báo sớm được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, trong đó, mô hình định lượng được thiết kế nhằm phát hiện các dấu hiệu khủng hoảng, còn phương pháp định tính nhằm giám sát những vấn đề mà mô hình định lượng không đề cập đến.

Hệ thống cảnh báo sớm mang tính định tính gồm 4 nhóm công tác ứng với 4 nhiệm vụ cụ thể: (1) Nhóm tình báo thị trường: có nhiệm vụ giám sát tỷ giá hối đoái, thu nhập cố định, cổ phiếu, chứng khoán phái sinh, thị trường hàng hóa; (2) Nhóm nghiên cứu và phân tích: có nhiệm vụ giám sát các nền kinh tế là những đối tác lớn gồm: Trung Quốc, Nhật Bản, EU, Mỹ...; (3) Nhóm giám sát thị trường: có nhiệm vụ giám sát liên tục các sự kiện, chương trình nghị sự mới xảy ra (đây là công cụ hàng đầu nhằm phát hiện rủi ro); (4) Một bộ phận của nhóm EWS: giám sát những thay đổi, chương trình nghị sự có liên quan tới Hàn Quốc theo quan điểm của các nước khác.

2.3.2. Ổn định thị trường ngoại hối

Trong những năm 2008 - 2009, Hàn Quốc đã cố gắng giảm bớt những tác động từ cơn sốt tài chính bên ngoài và đảm bảo tính thanh khoản bằng ngoại tệ trên thị trường thông qua các hợp tác song phương về các gói hoán đổi ngoại tệ và tăng cường việc quản lý chặt chẽ dự trữ ngoại tệ.

Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK) ký hợp đồng hoán đổi tiền tệ với Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) trị giá 30 tỷ USD. Theo đó, BOK gửi đồng Won vào FED, đổi lại BOK được sử dụng USD để cứu trợ hệ thống ngân hàng trong nước. Hàn Quốc và Nhật Bản cũng có thỏa thuận hoán đổi ngoại tệ giữa đồng Won và Yên tương đương với 20 nghìn tỷ USD. Bên cạnh đó, quốc gia này còn có một thỏa thuận hoán đổi tiền tệ trong thời hạn 3 năm với Trung Quốc trị giá 38 nghìn tỷ won (tương đương với 25,1 tỷ USD).

2.3.3. Tài cấu trúc doanh nghiệp

Chính phủ Hàn Quốc đánh giá việc thúc đẩy tái cấu trúc doanh nghiệp là một phương án tuy không

mới nhưng lại rất phù hợp với bối cảnh hiện nay. Trọng tâm của Hàn Quốc là tích cực cứu các doanh nghiệp quan trọng và cơ cấu lại một loạt các ngành kinh tế mũi nhọn, tiến hành tinh giản nhân sự doanh nghiệp nhà nước. Phương án thúc đẩy tái cấu trúc doanh nghiệp được tiến hành bằng cách: Chính phủ thành lập quỹ tái cơ cấu doanh nghiệp và giúp đỡ các doanh nghiệp đang phải đối mặt với những khó khăn về mặt tài chính bằng cách mua lại tài sản của những doanh nghiệp đó. Đây cũng là phương án đã giúp Hàn Quốc trở thành quốc gia đầu tiên nhanh chóng thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 10 năm trước đây. Quyết sách lần này của Chính phủ Hàn Quốc được hy vọng là sẽ phát huy hiệu quả tương tự (Nguyễn Ngọc Sơn, 2009).

2.3.4. Xây dựng và củng cố các chính sách tài khóa để kích thích cầu nội địa

Để kích thích cầu nội địa Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành chính sách tài khóa nới lỏng với một gói ngân sách kích cầu trị giá gần 14 nghìn tỷ won (trong đó 11 nghìn tỷ chi tiêu Chính phủ, 3 nghìn tỷ hỗ trợ về thuế) nhằm tăng số lượng dự án công, tạo cơ hội tham gia đấu thầu và triển khai dự án cho các doanh nghiệp trong nước, đồng thời kích thích chi tiêu của người dân. Một kế hoạch kích cầu được Hàn Quốc công bố giữa tháng 3/2009 cho biết Chính phủ dành thêm 4,6 tỷ USD cho mục tiêu kích cầu, tập trung vào đối tượng không được hưởng phúc lợi xã hội, người thất nghiệp, người có thu nhập thấp. Một trong những biện pháp được thực hiện là tặng phiếu mua hàng cho những người này (Ngô Quang Minh, 2009).

Chính phủ tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tránh rơi vào bẫy thanh khoản cũng như các gia đình có thu nhập thấp bằng cách mở rộng bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ giá trị 6 nghìn tỷ won, cung cấp miễn phí các dịch vụ đào tạo, tư vấn quản lý cho doanh nghiệp nhỏ và đào tạo tư vấn khởi nghiệp cho người dân, giảm lãi suất và tăng cường hỗ trợ về tài chính. Chính phủ đã thông qua khoản bảo lãnh vay nợ nước ngoài cho các ngân hàng và doanh nghiệp trong nước trị giá 100 tỷ USD trong thời hạn vay 3 năm kể từ ngày vay. Chính phủ bỏ ra 1,3 nghìn tỷ won cho các ngân hàng quốc doanh như Ngân hàng Phát triển Hàn Quốc, Ngân hàng Công nghiệp Hàn Quốc và Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Hàn Quốc để cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ vay nhằm hỗ trợ về tài chính.

2.3.5. Thực hiện chính sách kinh tế - xã hội mới

Trước tiên Chính phủ sẽ có sự hỗ trợ chế độ đối với những người kinh doanh nhỏ lẻ đang hồi phục khả năng kinh tế của mình. Đối với đối tượng này,

nếu trong vòng 3 năm gần đây có tổng thu nhập dưới 200 triệu won, gặp khó khăn trong quá trình kinh doanh, bị phá sản và nay đang phục hồi lại thì sẽ được miễn tối đa 5 triệu won cho thuế thu nhập kinh doanh và thuế giá trị gia tăng từ nay đến cuối năm sau. Đối với những gia đình đang gặp khó khăn do tình hình cắt giảm lương, hay gia đình người có thu nhập thấp, nông ngư dân,... cũng sẽ được hưởng ưu đãi ở một số mặt. Ngoài ra, Chính phủ Hàn Quốc còn tuyên bố kế hoạch phát triển kinh tế xã hội Chiến lược Xanh với 38 tỷ won để tạo 96.000 việc làm cho đến năm 2012. Hàn Quốc muốn thông qua những kế hoạch này trước mắt là tạo việc làm, song về lâu dài là để nhằm củng cố các nền tảng cho sự phát triển sau khủng hoảng.

2.3.6. Sửa đổi chính sách nhằm hỗ trợ về đầu tư, khuyến khích nghiên cứu phát triển

Hàn Quốc tiến hành cải cách mạnh mẽ luật pháp như cải tiến và giảm bớt những quy định không cần thiết về môi trường, quyền sử dụng đất và các vấn đề sử dụng lao động, giảm bớt gánh nặng về thuế cho các doanh nghiệp.

Các quy định về xây dựng nhà máy, mở rộng cơ sở hay tái định cư trong khu phức hợp công nghiệp giữa khu vực quản lý phát triển và khu vực kiểm soát dân số sẽ bị dỡ bỏ. Các hạn chế trong việc mở rộng cơ sở nhà máy ngoài khu phức hợp công nghiệp cũng bị hủy bỏ hoàn toàn, đồng thời hủy bỏ việc cấm xây dựng toà nhà quy mô lớn trong khu vực bỏ trống với điều kiện là những toà nhà này cần đảm bảo giới hạn kiểm soát về dân số, thực hiện tăng cường cung cấp đất công nghiệp khu vực quản lý phát triển, và toàn bộ khu vực kinh tế tự do Incheon sẽ được coi là một khu vực quản lý tăng trưởng, xem xét và thông thoáng hơn các quy định về môi trường vốn được đánh giá là quá mức ngặt nghèo so với các quốc gia khác. Chính phủ lên kế hoạch kích lệ đầu tư mới và xúc tiến tạo việc làm thông qua việc cải cách các quy định trong lĩnh vực dịch vụ. Hàn Quốc tiếp tục tăng cường tính cạnh tranh của các dịch vụ giá trị gia tăng cao như truyền hình, quảng cáo, thiết kế, đồng thời hạ thấp các rào cản gia nhập các dịch vụ như giáo dục hay y tế.

Bên cạnh đó, Chính phủ Hàn Quốc còn khuyến khích nghiên cứu và phát triển cho tiềm năng phát triển dài hạn. Chính phủ yêu cầu các tập đoàn phải tiếp tục đẩy mạnh đầu tư chiều sâu trên cơ sở nền tảng công nghệ mới thân thiện với môi trường nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các tập đoàn, của hàng hóa sản phẩm Hàn Quốc trên trường quốc tế. Ở Hàn Quốc, hiện nay tỷ lệ thuế được khấu trừ so với chi phí dành cho hai lĩnh vực này ở lĩnh vực

công nghiệp là 30%, công nghệ hạt nhân là 25% (Kwark & cộng sự, 2008).

2.3.7. Tăng cường hoạt động ngoại giao kinh tế

Mục đích của ngoại giao kinh tế là nhằm tìm kiếm, mở rộng thị trường và ảnh hưởng của Hàn Quốc cho sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, tìm kiếm các cơ hội đầu tư cho các tập đoàn và doanh nghiệp vừa và nhỏ Hàn Quốc tại các thị trường đang phát triển, mới nổi như Nga, Ấn Độ, Đông Âu, Trung Quốc, ASEAN, Việt Nam,... Nâng cấp các mối quan hệ hiện tại lên mối quan hệ chiến lược với các cường quốc nhiều tài nguyên và thị trường như Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam...

3. Khuyến nghị cho Việt Nam

3.1. Về xây dựng hệ thống cảnh báo sớm

Để xây dựng được một hệ thống cảnh báo sớm tương đối hoàn chỉnh và hiệu quả, các nước có nền kinh tế khá mạnh như Hàn Quốc, Trung Quốc hay Đài Loan đều phải mất một khoảng thời gian không ngắn. Vì vậy, với điều kiện của Việt Nam hiện nay, công tác cảnh báo sớm cần phải được xây dựng từng bước, trước tiên trong một số ngành, lĩnh vực lựa chọn, sau đó mới tiến tới xây dựng hệ thống cảnh báo sớm ở cấp quốc gia.

Phải xác định rõ lĩnh vực kinh tế - xã hội cần cảnh báo trong mỗi giai đoạn phát triển, chủ yếu theo dõi chặt chẽ, nâng cao chất lượng phân tích và dự báo tình hình trong nước và quốc tế, đặc biệt những biến động về tình hình kinh tế, tài chính thế giới, chủ động xây dựng các phương án ứng phó, hạn chế tác động bất lợi từ bên ngoài tới hệ thống tài chính, ngân hàng và toàn bộ nền kinh tế...

Cần có một quy chế rõ ràng về công tác cảnh báo, giúp thống nhất và phân rõ phạm vi, trách nhiệm của các đơn vị tham gia thực hiện công tác cảnh báo. Bên cạnh đó, cần hình thành một cơ quan đầu mối trong việc thu thập, lựa chọn các kết quả cảnh báo để trình Chính phủ. Công tác cảnh báo sớm rất cần các thông tin đầy đủ, chính xác và cập nhật; do vậy, các cơ quan chuyên trách thực hiện nhiệm vụ cảnh báo nên là cơ quan có chức năng cung cấp thông tin hoặc các cơ quan đầu mối về thông tin.

Hiện nay, ở nước ta chưa có cơ quan chính thức nào thực hiện chức năng cảnh báo sớm kinh tế. Việt Nam mới chỉ đang tham gia ở cấp độ khu vực ASEAN, bao gồm cả các quốc gia: Malaysia, Indonesia, Thái Lan và Singapore.

3.2. Thực hiện gói kích thích kinh tế với định hướng cụ thể, rõ ràng và hiệu quả

Khả năng ngân sách, dự trữ ngoại tệ, và thâm hụt thương mại là những yếu tố cần được tính đến khi

đề xuất quy mô, công cụ và thời điểm thực hiện gói kích thích kinh tế. Đồng thời, cần nhất quán quan điểm về “kích cầu”, lượng tài chính kích cầu phải minh bạch, kích đúng chỗ. Đó là những lĩnh vực mà sự phát triển của nó đủ sức lan tỏa sang các lĩnh vực khác.

Cơ cấu chi của gói kích cầu đầu tiên chủ yếu vào việc hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng cho các dự án phát triển được ưu tiên, trong đó có phát triển cơ sở hạ tầng, cho nông nghiệp và phát triển nông thôn, phát triển nhà ở cho người thu nhập thấp và cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp nhập công nghệ, kỹ thuật mới nhằm tạo ra sản phẩm mới, chất lượng mới, góp phần cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong tương lai.

3.3. Tái cấu trúc nền kinh tế toàn diện, sâu rộng và kịp thời

Tái cấu trúc phải được thực hiện ở tất cả các cấp độ của nền kinh tế bao gồm tái cơ cấu toàn bộ nền kinh tế, tái cơ cấu ngành, cơ cấu vùng và tái cơ cấu các doanh nghiệp. Trong đó, tiến hành đồng thời tái cơ cấu tài chính và doanh nghiệp. Tái cấu trúc phải đi cùng với thay đổi mô hình tăng trưởng theo hướng thị trường, nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển xanh và thân thiện với môi trường. Tái cấu trúc kinh tế theo hướng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu thông qua việc tham gia ngày càng sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu của các ngành, cũng như các mạng lưới sản xuất khu vực và quốc tế.

Tái cấu trúc kinh tế cần chú trọng cân đối giữa nguồn tiết kiệm trong nước và tiết kiệm nước ngoài để tránh phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn nước ngoài, cân đối giữa thị trường trong nước và thị trường nước ngoài. Tái cấu trúc nền kinh tế phải theo hướng nâng cao hiệu quả tiêu thụ năng lượng và phát triển các nguồn năng lượng thay thế nhằm giảm mức độ nhạy cảm về năng lượng và mức độ phụ thuộc vào nhập khẩu. Tái cấu trúc theo hướng phát triển dựa trên quan hệ hài hòa giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Nền kinh tế phát triển theo hướng “đứng vững trên hai chân” một mặt đẩy mạnh xuất khẩu, đầu tư nước ngoài, mặt khác tăng cường phục vụ thị trường nội địa và thúc đẩy đầu tư trong nội bộ nền kinh tế.

3.4. Thực hiện chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa hiệu quả

Để đảm bảo hiệu quả phối hợp giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa, cần có sự thống nhất trong các chính sách nhằm đảm bảo mục tiêu chung, đồng thời cân nhắc tác động trái chiều của các chính

sách, tăng cường trao đổi thông tin giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng nhà nước để làm cơ sở xây dựng và thực thi các biện pháp chính sách một cách có hiệu quả và kịp thời. Đối với các gói kích cầu, cần tăng cường kiểm soát chất lượng các khoản tín dụng hỗ trợ lãi suất, kiểm soát tín dụng cho các mục tiêu kinh doanh chứng khoán và bất động sản. Cải cách cơ chế cấp phát ngân sách và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu, có biện pháp giảm thất thoát trong chi tiêu đối với các dự án và công trình lớn nhưng không hiệu quả, đảm bảo yêu cầu kiểm soát chi tiêu hiệu quả hơn là chỉ nhằm mục tiêu kiểm soát việc chấp hành chế độ.

3.5. Thực thi các chính sách an sinh xã hội phù hợp và hiệu quả

Trong điều kiện suy giảm kinh tế cần quan tâm bảo đảm an sinh xã hội. Điều này không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn có ý nghĩa chính trị sâu sắc. Về mặt nguyên tắc, toàn bộ các tầng lớp dân cư phải là đối tượng được hưởng thụ an sinh xã hội. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện tại có lẽ nên quan tâm nhiều hơn đến nông dân, đối tượng chính sách và các nhóm đối tượng yếu thế, rủi ro hay chịu thiệt thòi,... Việc quan tâm bảo đảm an sinh xã hội cho những đối tượng này không những góp phần kích thích, phục hồi tăng trưởng kinh tế mà còn bảo đảm ổn định về mặt xã hội.

3.6. Tăng cường hợp tác quốc tế

Hội nhập là định hướng chủ đạo và vẫn tiếp tục là con đường lớn trong sự phát triển của kinh tế nước ta, ngay cả trong việc xử lý hệ quả của khủng

hoảng. Chúng ta phải nhanh nhạy trong việc tìm kiếm thị trường ta có ưu thế, ít bị ảnh hưởng, ít chịu sự cạnh tranh; nhanh chóng thoát ra khỏi một nền kinh tế gia công, tìm kiếm những công đoạn có giá trị, hàm lượng trí tuệ cao hơn và có hiệu quả hơn.

Tổ chức thực hiện và phối hợp tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các cam kết quốc tế về thương mại và đầu tư, trước hết là các cam kết trong khuôn khổ WTO, ASEAN, ASEAN+ và một số cam kết song phương khác. Bên cạnh đó, để đảm bảo tiếp cận thị trường cho hàng hóa của Việt Nam, chúng ta cần tiếp tục chú trọng việc đàm phán và ký kết các hiệp định mở cửa thị trường với một số đối tác chọn lọc, có tính đến các yếu tố chiến lược trong quan hệ giữa Việt Nam với đối tác đó cũng như với khu vực và với toàn cầu.

Tóm lại, những giải pháp tổng thể được áp dụng đã giúp Hàn Quốc tiếp tục phát triển và phòng tránh tốt trước những tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay. Bằng những chính sách phản ứng kịp thời và mạnh mẽ nhất với những nguyên tắc, chiến lược tái cơ cấu trên các lĩnh vực: tài chính và doanh nghiệp, hệ thống giám sát tài chính, quản trị doanh nghiệp chính sách vĩ mô, mạng lưới an sinh xã hội và cấu trúc tài chính quốc tế, Hàn Quốc đã đạt được những thay đổi tích cực về hiện đại hóa khuôn khổ pháp lý, thể chế thị trường tài chính thông lệ kinh doanh, năng lực của Chính phủ trong đối phó với nguy cơ tiềm ẩn và suy thoái kinh tế. Những kinh nghiệm này có giá trị tham khảo cho Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và ứng phó với những biến động của nền kinh tế thế giới. □

Tài liệu tham khảo

- Kwark Noh Sun, Chanyong Rhee & Doo Yong Yang (2008), *Ten years after the Korean crisis – Crisis, Adjustment and Long-run economic growth*, Korea Institute for International Economic Policy, page 296-334.
- Landsberg M. H. & Burkett P. (2001), *Economic crisis and restructuring in South Korea. Beyond the free market - Statist debate*, Critical Asian Studies, page 403-430.
- Ngô Quang Minh (2009), ‘Một số vấn đề về khủng hoảng kinh tế thế giới và giải pháp chống suy thoái kinh tế của Việt Nam’, tham luận trình bày tại hội thảo khoa học quốc gia *Ngăn chặn suy giảm kinh tế Việt Nam*, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nguyễn Thiện Nhân (2002), ‘Khủng hoảng kinh tế tài chính ở châu Á 1997 - 1999: Nguyên nhân, hậu quả và bài học với Việt Nam’, *Tạp chí Phát triển kinh tế*, trang 17-27.
- Park Won Am (2002), *Indicators and Analysis of Vulnerability to Economic crisis: Korea*, EADN Regional Project on Indicators and Analysis of Vulnerabilities to Economic crisis.
- Lê Tất Phương (2009), *Kinh nghiệm quốc tế về công tác cảnh báo sớm kinh tế và bài học có thể rút ra cho Việt Nam*, Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Ngọc Sơn (2009), ‘Tái cơ cấu kinh tế sau khủng hoảng tài chính toàn cầu: Kinh nghiệm của các nước và khuyến nghị cho Việt Nam’, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 150 (12).